**I. MỞ ĐẦU**

**1. Lí do chọn biện pháp**

Như chúng ta đã biết chương trình tổng thể ban hành theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 đã nêu “Giáo dục toán học hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực toán học với các thành tố cốt lõi như năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học; phát triển kiến thức kĩ năng then chốt tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm, áp dụng toán học vào trong đời sống thực tiễn, kết nối toán học với các môn học khác và toán học với đời sống thực tiễn.

Trong quá trình giảng dạy, việc lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học toán cần thực hiện phù hợp với tiến trình nhận thức của học sinh. Đó là đi từ cụ thể đến trìu tượng, đi từ dễ đến khó, luôn lấy người học làm trung tâm, chú ý nhu cầu năng lực nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng học sinh. Tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo trong đó học sinh được tham gia tìm tòi, phát hiện, suy luận giải quyết vấn đề đòi hỏi người giáo viên phải linh hoạt trong việc lựa chọn, vận dụng các phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học tích cực. Tuy nhiên cần có sự kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp dạy, kĩ thuật dạy học truyền thống, kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với việc thực hành trải nghiệm vận dụng kiến thức toán học vào trong thực tế cuộc sống.

Qua thực tế giảng dạy tôi thấy học sinh gặp khó khăn trong việc giải các bài toán có lời văn. Học sinh thường thụ động khi giải các bài toán có lời văn, hay sa vào kiểu học vẹt nên mau quên kiến thức; không biết xác định từ “chìa khóa”; không nghĩ ra được các cách giải khác nhau; ít có điều kiện để rèn luyện các kỹ năng, khả năng vận dụng thực hành chưa tốt; tiết học đơn điệu, dễ nhàm chán. Một số giáo viên còn lúng túng trong việc xây dựng hệ thống câu hỏi gợi mở, dẫn dắt học sinh để giúp học sinh tìm ra hướng giải bài toán theo từng dạng toán khác nhau. Việc dạy học chưa phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

Chính vì vậy tôi mạnh dạn đưa ra một số giải pháp giúp học sinh tự tin, tích cực, chủ động và sáng tạo hơn trong việc giải toán có lời văn thông qua việc ***“Vận dụng linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật dạy các bài toán có lời văn cho học sinh lớp 3 nhằm tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018”.***

**2. Đối tượng áp dụng:**

Học sinh lớp 3B, trường Tiểu học Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**II. NỘI DUNG BIỆN PHÁP**

**1. Mục tiêu biện pháp**

- Tìm hiểu thực trạng về hiệu quả việc giải toán có lời văn của học sinh lớp 3.

- Tiến hành phân tích, đánh giá các đối tượng học sinh, nghiên cứu nội dung của mỗi dạng toán để lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Qua đó giúp học sinh phát triển được năng lực và phẩm chất.

**2. Cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn để xây dựng biện pháp**

**2.1. Cơ sở lí luận**

Giải toán là một thành phần quan trọng trong chương trình giảng dạy môn toán ở bậc Tiểu học. Việc giải toán có lời văn có một vị trí quan trọng thể hiện ở: Các khái niệm và các quy tắc về toán trong sách giáo khoa nói chung đều được giảng dạy thông qua việc giải toán. Việc giải toán giúp học sinh củng cố, vận dụng các kiến thức, rèn luyện kỹ năng tính toán. Đồng thời qua việc giải toán của học sinh mà giáo viên có thể dễ dàng phát hiện những ưu điểm hoặc thiếu sót của các em về kiến thức, kỹ năng và tư duy để giúp các em phát huy hoặc khắc phục. Toán có lời văn thực chất là những bài toán thực tế. Nội dung bài toán được thông qua những câu văn nói về những quan hệ, tương quan và phụ thuộc, có liên quan đến cuộc sống thường xảy ra hàng ngày. Cái khó của bài toán có lời văn là phải lược bỏ những yếu tố về lời văn đó che đậy bản chất toán học của bài toán, hay nói cách khác là chỉ ra các mối quan hệ giữa các yếu tố toán học chứa đựng trong bài toán và nêu ra phép tính thích hợp để từ đó tìm được đáp số bài toán. Đề bài của bài toán có lời văn bao giờ cũng có hai phần:

- Phần đã cho hay còn gọi giả thiết của bài toán.

- Phần phải tìm hay còn gọi kết luận.

Ngoài ra, trong đề toán có nêu mối quan hệ giữa phần đã cho và phần phải tìm hay thực chất là mối quan hệ tương quan phụ thuộc vào giả thiết và kết luận của bài toán. Trên thực tế không phải học sinh nào cũng xác định ngay được hai phần của một đề toán nhất là các bài toán phải giải từ 2 phép tính trở lên.

**2.2 Cơ sở thực tiễn**

 Trên thực tế của việc giải toán có lời văn trong chương trình lớp 3 có nhiều phương pháp khác nhau. Giải toán có lời văn là thiết lập được quan hệ giữa các đại lượng đã cho để tìm đại lượng chưa biết. Nói cách khác, học sinh phải thiết lập được các phép toán (mục đích chính quan trọng nhất). Sau đó mới thực hiện việc tính toán, quá trình phát hiện “cái chưa biết” trong tình huống có vấn đề là quá trình chiếm lĩnh tri thức mới.

Một số giải pháp cũ đã tiến hành: giáo viên còn sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống như đàm thoại, nêu vấn đề, hoạt động cặp đôi...; dạy học trong không gian lớp học; sử dụng các đồ dùng dạy học sẵn có...

Với các phương pháp dạy học truyền thống, người giáo viên thực hiện theo một mô tuýp có sẵn nên dễ tổ chức, mất ít thời gian; giáo viên quản lý học sinh dễ; các tài liệu tham khảo và sách hướng dẫn đa dạng. Tuy nhiên còn một số tồn tại:

**-** Không củng cố, khắc sâu được kiến thức cho học sinh, chưa khai thác hết các cách giải của một bài toán, chưa phát huy hết năng lực của học sinh.

- Nhiều học sinh viết đúng phép tính để giải bài toán song lại không biết viết câu lời giải cho phù hợp.

 - Không gây được hứng thú học tập cho học sinh khi học các tiết học về giải toán nên hiệu quả tiết học chưa cao, không khí học tập chưa thật sôi nổi.

 Cụ thể qua việc giảng dạy tại trường Tiểu học Chiến Thắng, đầu năm học tôi đã tiến hành khảo sát môn Toán của học sinh lớp 3B mà tôi trực tiếp giảng dạy thu được kết quả như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sĩ sốĐiểm | HTT | HT | CHT |
| Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % |
| 36 | 7 | 19,4% | 25 | 69,5% | 4 | 11,1 |

Hệ thống văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo điều kiện cho giáo viên luôn chủ động đề xuất giảng dạy đảm bảo theo chuẩn kiến thức, kĩ năng. Giáo viên có thể vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Một số công văn như:

Quyết định số 16/2006/QĐ – BGDĐT, ngày 5 tháng 5 năm 2006 về việc Quyết định ban hành chương trình GDPT.

Thông tư 32/2018TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “Ban hành chương trình GDPT”.

Xuất phát từ những cơ sở trên, tôi cần phải có những biện pháp nâng cao hiệu quả của việc dạy giải toán có lời văn cho học sinh lớp 3 để tất cả học sinh có thể hoàn thành dạng toán này.

**3. Nội dung biện pháp:**

- Biện pháp 1: Nâng cao chất lượng giải toán có lời văn.

- Biện pháp 2: Vận dụng một số kĩ thuật dạy học vào dạy giải toán có lời văn.

- Biện pháp 3: Nắm chắc phương pháp chung để giải toán có lời văn.

**4. Cách thức thực hiện các biện pháp**

**4.1. Nâng cao chất lượng giải toán có lời văn.**

- Thứ nhất, giáo viên cần nắm vững các bài toán cơ bản ở dạng cơ bản. Đồng thời giúp học sinh nhận biết được các dạng toán cơ bản, cách giải cơ bản của các dạng toán đó.

**-** Thứ hai,giáo viên giúp học sinh nắm được cách giải bài toán có lời văn và thực hiện theo bốn bước.

**-** Thứ ba, giáo viên giúp học sinh phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo khi giải toán.

Ví dụ: Khi giáo viên đưa bài toán giải, yêu cầu học sinh tự phân tích đề toán, học sinh suy nghĩ hoặc thảo luận trong nhóm để tìm ra cách giải bài toán. Giáo viên luôn khích lệ học sinh tìm ra nhiều câu lời giải, cách giải khác nhau để từ đó học sinh học hỏi lẫn nhau, chủ động và phát huy được tính sáng tạo của bản thân. Đồng thời phát triển được năng lực toán học, giao tiếp, ...

- Thứ tư, giáo viên tăng cường kiểm tra bài luyện tập của học sinh. Thông qua đó giáo viên kịp thời đánh giá, động viên sự cố gắng của học sinh. Đồng thời đưa ra những tư vấn, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong việc giải các bài toán.

**-**Thứ năm, giáo viên tăng cường giúp đỡ các em nắm vững lý thuyết, cách thức thực hiện các dạng toán giải một cách thường xuyên ngay tại lớp.

**4.2. Vận dụng một số kĩ thuật dạy giải toán có lời văn**

*+ Kĩ thuật đọc tích cực:* Là hình thức học tập nhằm giúp học sinh tăng cường khả năng tự học. Học sinh tự đọc bài, xác định được yếu tố đã cho, yếu tố cần tìm của bài toán đề từ đó trao đồi nhóm đôi, nhóm 4 tìm cách giải bài toán. Kĩ thuật này rất phù hợp cho việc tìm hiểu yêu cầu của bài toán. Vì vậy, tôi đã giúp học sinh của lớp mình vận dụng một số bước của kĩ thuật đọc tích cực vào việc tìm hiểu bài ở các phân môn nói chung và môn Toán nói riêng. Các em luôn có thói quen tóm tắt đề bài và chia sẻ những băn khoăn, thắc mắc của mình trong nhóm. Từ đó các em thống nhất cách giải các bài toán.

#### + **Kỹ thuật “Các mảnh ghép” :** Là hình thức học tập kết hợp giữa cá nhân với nhóm và các nhóm với nhau nhằm:

– Cùng nhau giải quyết một bài toán cụ thể nhưng có nhiều cách giải khác nhau

– Khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh

– Nâng cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác (Mỗi cá nhân không chỉ hoàn thành bài với một cách làm mà còn biết được các cách làm khác).

***Ví dụ:*** *Bài 1/52 - Toán 3*: Một bến xe có 45 ô tô. Lúc đầu có 18 ô tô rời bến, sau đó có thêm 17 ô tô rời bến. Hỏi bến xe đó còn lại bao nhiêu ô tô ?

Với dạng toán này, tôi sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép tức là hình thức học tập kết hợp giữa cá nhân với nhóm và các nhóm với nhau nhằm: Cùng nhau giải quyết một bài toán có nhiều cách giải khác nhau. Khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh

Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi nhóm 4 thống nhất cách trình bài bài toán sau đó chia sẻ bài trước lớp.

Khuyến khích các nhóm làm nhanh sẽ tìm cách giải khác cho bài toán. Nhóm nào tìm được các cách giải khác mà đúng thì sẽ được tặng 1 bông hoa thành công.

 Với yêu cầu trên học sinh sẽ thi đua tìm ra nhiều cách giải khác nhau của một bài toán.

*Chẳng hạn:*

Bài giải

Cách 1: Số xe ô tô rời bến là:

 17 + 18 = 35 (ô tô)

 Số xe ô tô còn lại trên bến là:

 45 – 35 = 10 (ô tô)

 Đáp số: 10 ô tô.

Cách 2:

 Sau lần thứ nhất rời bến, số xe ô tô còn lại là:

 45 – 18 = 27 (ô tô)

 Số xe ô tô còn lại sau hai lần rời bến là:

 27 – 17 = 10 ( ô tô)

 Đáp số: 10 ô tô

#### + **Kỹ thuật khăn phủ bàn :** Là phương pháp dạy học tích cực tổ chức hoạt động mang tính kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm nhằm thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh đồng thời phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với nhau.

**Ví dụ:** Bài 2 trang 71- Toán 3:

Mỗi lớp học có 33 học sinh, phòng học của lớp đó chỉ có 2 chỗ ngồi. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu bàn học như thế?

Để nghiên cứu bài toán này, giáo viên kết hợp linh hoạt giữa kĩ thuật đọc tích cực và kỹ thuật khăn trải bàn để học sinh hiểu kĩ nội dung bài toán.(Đây cũng là phương pháp dạy học tích cực tổ chức hoạt động mang tính kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm). Yêu cầu các cá nhân, nhóm học sinh nghiên cứu kĩ nội dung đề bài, chú ý đến câu hỏi của bài toán: Cần ít nhất bao nhiêu bàn học 2 chỗ ngồi?

-Thiết lập mối quan hệ giữa các số đã cho và hiểu biết thực tế để diễn đạt nội dung bài toán bằng ngôn ngữ và xác định được đày là bài toán giải với phép tính viết trước câu lời giải viết sau.

 **Bài giải :**

 Thực hiện phép chia : 33 : 2 = 16 (dư 1)

 Số bàn có 2 Hs ngồi là 16 bàn, còn 1 Hs nữa nên cần có thêm 1 bàn nữa.

 Vậy số bàn cần có ít nhất là :

 16 + 1 = 17 (cái bàn)

 **Đáp số** : 17 cái bàn.

***+ Kỹ thuật “Lược đồ tư duy”:*** Giáo viên để học sinh tự lựa chọn sơ để tìm ra cách giải toán nhanh nhất.

**Ví dụ** Có hai bao gạo, bao thứ nhất có 45 kg gạo, bao thứ hai gấp đôi bao thứ nhất. Hỏi cả hai bao có bao nhiêu kilôgam gạo?

*+ Bước 1*: Hs đọc kĩ đề, tìm hiểu đề.

*+ Bước 2:* Tóm tắt: Gv hướng dẫn Hs tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng.

|  |  |
| --- | --- |
| - Nếu vẽ đoạn thẳng biểu thị số gạo bao 1 là 1 phần thì đoạn thẳng biểu thị số gạo bao 2 là mấy phần?- Vẽ các phần này như thế nào với nhau? | - …. là 2 phần.- Các phần này bằng nhau. |

Tóm tắt:

45 kg

Bao thứ nhất :

? kg

Bao thứ hai:

?kg

*+ Bước 3:* Hướng dẫn giải.

|  |  |
| --- | --- |
| - Muốn tìm số kilôgam của 2 bao, ta phải tìm số kilôgam của bao nào?- Bao thứ hai có số gạo gấp mấy lần bao thứ nhất?- Muốn tìm số gạo bao thứ 2, ta làm ntn?- Muốn tìm số gạo của cả 2 bao, ta làm ntn? | - Số ki-lô-gam của bao thứ 2.- … gấp 2 lần.- Lấy 45 x 2.- Lấy số gạo bao thứ nhất cộng với số gạo của bao thứ hai. |

Gv: Bài toán có dạng gấp một số lên nhiều lần, bài toán hợp giải bằng 2 phép tính. Ta có sơ đồ sau:

Số gạo 2 bao

||

Bao 1 + Bao 2

|| ||

 45 kg 45 x2

Giải ngược từ dưới lên để tìm kết quả.

*+ Bước 4* : **Bài giải**

 Số gạo bao thứ hai có là :

 45 x 2 = 90 (kg)

 Số gạo 2 bao có tất cả là :

 45 + 90 = 135 (kg)

 **Đáp số** : 135 kg.

**4.3. Phương pháp chung để giải toán có lời văn:**

 Quy trình giải một bài toán có lời văn gồm 4 bước:

+ Bước 1: Học sinh tự đọc đề toán. Ở bước này giáo viên sử dụng kĩ thuật đọc tích cực để học sinh sau khi đọc bài sẽ xác định được cái đã cho và cái cần tìm của một bài toán.

+ Bước 2: Tóm tắt đề toán bằng ngôn ngữ ngắn gọn hoặc sơ đồ đoạn thẳng. Bước này kĩ thuật động não và kĩ thuật lược đồ tư duy sẽ được phát huy. Dựa vào tóm tắt của bài toán học sinh sẽ trao đổi xác định được dạng toán rồi tìm ra cách giải của bài toán.

+ Bước 3: Phân tích đề toán để tìm cách giải:

 Bài toán cho biết gì?

 Bài toán hỏi gì?

 Giải toán bằng mấy phép tính? Đó là những phép tính nào?

+ Bước 4: Thực hiện chính xác các phép tính và hình thành cách giải.

**Ví dụ 1**: Thùng thứ nhất có 36 lít dầu, thùng thứ hai ít hơn thùng thứ nhất 8 lít dầu. Hỏi cả 2 thùng có bao nhiêu lít dầu ?

\* Hướng dẫn giải **:**

***+ Bước 1***: Yêu cầu HS đọc kĩ đề toán

- Bài toán cho biết gì ?

- Bài toán hỏi gì ?

***+ Bước 2*** : Tóm tắt đề toán :

 - Bài toán có dạng toán gì ? - ít hơn 1 số đơn vị, giải bằng hai phép tính.

 - Vậy ta tóm tắt bằng gì ? - Sơ đồ đoạn thẳng.

 Tóm tắt :

? lít

8 lít

? lít

36 l lít lít

Thùng 1:

Thùng 2:

***+ Bước 3*** : Phân tích đề toán để tìm cách giải :

|  |  |
| --- | --- |
| - Muốn tìm số lít dầu của 2 thùng, ta phải tìm số lít dầu thùng nào ?- Thùng thứ 2 ít hơn thùng thứ nhất 8 lít. Vậy muốn tìm số lít dầu thùng thứ hai ta thực hiện phép tính gì ?- Muốn tính số dầu của 2 thùng, ta làm phép tính gì ? | - Tìm số lít dầu thùng 2.- Tính trừ (36 – 8)- Tính cộng. (Lấy số dầu thùng thứ nhất cộng với số dầu thùng thứ hai). |

***+ Bước 4*** : Trình bày bài giải:

 **Bài giải :**

 Số dầu thùng thứ hai có là :

 36 – 8 = 28 (*l*)

 Số dầu của hai thùng có là :

 36 + 28 = 64 (*l*)

 **Đáp số** : 64 *l*.

**Ví dụ 2**: Có 5 thùng kẹo như nhau chứa tổng cộng 720 viên kẹo, mỗi thùng có 6 gói. Hỏi mỗi gói chứa bao nhiêu viên kẹo?

*+ Bước 1*: H đọc đề toán.

*+ Bước 2*: Tóm tắt:

 720 viên: 5 thùng.

 1 thùng: 6 gói.

 1 gói: … viên kẹo ?

*+ Bước 3*: Phân tích đề :

|  |  |
| --- | --- |
| - Muốn biết 1 gói có bao nhiêu viên kẹo, ta phải biết số viên kẹo của mấy thùng?- Muốn tìm số viên kẹo của 1 thùng, ta làm ntn?- Có số kẹo của 1 thùng rồi, muốn tìm số kẹo của 1 gói ta làm ntn? | - Biết số viên kẹo của 1 thùng.- Lấy 720 : 5- Lấy số kẹo của 1 thùng chia đều cho 6 gói. |

 Đây là bài toán hợp dạng toán chia thành nhóm giải bằng 2 phép tính chia. Tính chia thứ nhất ta tìm số kẹo của 1 thùng, tính chia thứ hai ta tìm số kẹo của 1 gói.

*+ Bước 4* : Trình bày lời giải :

 **Bài giải:**

 Số kẹo một thùng có là:

 720 : 5 = 144 (viên)

 Số kẹo mỗi gói có là:

 144 : 6 = 24 (viên)

 **Đáp số**: 24 viên kẹo.

- Hướng dẫn và giúp học sinh giải toán có lời văn nhằm giúp các em phát triển tư duy trí tuệ, tư duy phân tích và tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa, rèn luyện tốt phương pháp suy luận logic để trở thành những con người linh hoạt, sáng tạo, làm chủ trong mọi lĩnh vực và trong cuộc sống thực tế hằng ngày.

 - Giáo viên phát hiện và rút ra nhiều điều lý thú về nội dung và phương pháp dạy học giải toán có lời văn ở bậc tiểu học. Mặt khác, nó còn bồi dưỡng thêm lòng kiên trì, nhẫn nại, sự ham muốn, lòng say sưa với nghiên cứu tìm tòi trong công việc dạy và học, nhằm đem lại sự tươi sáng cho học sinh và niềm đam mê cho chính bản thân mỗi giáo viên.

**III. THỰC NGHIỆM TẠI ĐƠN VỊ**

**1. Đối tượng, nội dung, phương pháp thực hiện**

- Đối tượng: Học sinh lớp 3B, trường Tiểu học Chiến Thắng.

- Nội dung: Vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học vào dạy các bài toán có lời văn cho học sinh lớp 3 nhằm tiếp cận chương trình GDPT 2018.

- Phương pháp thực hiện: Phương pháp thực nghiệm, phương pháp vấn đáp, phương pháp quan sát, phương pháp dạy học theo nhóm.

**2. Tiến trình thực nghiệm**

**Bước 1**: Giúp học sinh nắm được các bước thực hiện của từng phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học.

- Ngay từ những tiết học đầu tiên tôi đã giúp học sinh nắm bắt được một số kĩ thuật dạy học mà tôi sẽ sử dụng bằng cách nêu rõ các bước thực hiện. Bước nào thuộc về trách nhiệm của các em tôi sẽ phân tích, hướng dẫn học sinh làm quen, dần dần trở thành nên thành thạo để việc áp dụng vào các tiết học sau trở dễ dàng hơn.

- Đối với các phương pháp dạy học truyền thống hoặc một số phương pháp dạy học hiện đại mà các em đã làm quen ở các lớp dưới thì tôi nhắc lại bước thực hiện và áp dụng ngay từ những tiết học đầu tiên. Đối với các phương pháp dạy học mới mà các em chưa được tiếp cận, tôi giúp các em nắm rõ các bước tiến hành, biết được vai trò, nhiệm vụ của mình trong từng bước.

**Bước 2**: Vận dụng

- Dựa vào yêu cầu cần đạt và đặc điểm về trình độ, tâm lí lứa tuổi của học sinh tôi sẽ linh hoạt lựa chọn các phương pháp và kĩ thuật dạy học sao cho phù hợp trong việc dạy toán đặc biệt là khi dạy giải toán có lời văn.

**Bước 3**: Tổng kết, rút kinh nghiệm

Sau mỗi tiết dạy, tôi thường đánh giá sự phù hợp của các phương pháp và kĩ thuật dạy mà tôi đã áp dụng. Tôi sẽ đối chiếu với yêu cầu cần đạt của tiết học để đánh giá sự phát triển về năng lực và phẩm chất của học sinh trong tiết học đó. Nếu chưa phù hợp tôi chỉ ra nguyên nhân để khắc phục những tồn tại hoặc điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học khác sao cho phù hợp hơn.

**3. Đánh giá kết quả thực nghiệm**

Sau một thời gian mạnh dạn áp dụng linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật dạy học vào dạy giải toán có lời văn, tôi nhận thấy các em đã có rất nhiều tiến bộ. Học sinh yêu giải toán có lời văn hơn trước, không e dè, ngần ngại khi thực hiện các bài toán giải.

Các em cũng thay đổi về nhận thức, hành vi, thái độ của mình trong quá trình học tập. Các em luôn thấy tự tin khi thực hiện giải toán, mạnh dạn chia sẻ kết quả học tập trước lớp, đoàn kết, gắn bó các thành viên trong nhóm cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập mà tôi giao.

- Chất lượng giải toán có lời văn được nâng cao một cách rõ rệt thể hiện qua sự tiến bộ từng ngày của học sinh. Bài làm của các em ở trên lớp cũng như ở nhà được tôi đánh giá kết quả khá tốt ở cuối tháng 11. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ĐiểmSĩ số | HTT | HT | CHT |
| Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % |
| 36 | 17 | 47,2% | 19 | 52,8% | 0 | 0 |

 Từ việc vận dụng các giải pháp ở trên đã nâng chất lượng HHT từ 19,4% lên 47,2% và đặc biệt không còn học sinh xếp loại chưa hoàn thành.

**IV KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**

**1. Kết luận**

Việc tiếp cận chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là việc vô cùng cần thiết và phải làm ngay. Nó giúp giáo viên chủ động hơn trong việc tiếp cận, thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3 năm học 2022 – 2023. Đồng thời giúp học sinh làm quen với cách học mới. Các em được tích cực chủ động trong các hoạt động học tập của mình để từ đó chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng cũng như phát triển được năng lực phẩm chất của bản thân, tạo tiền đề để học sinh học tốt chương trình GDPT 2018 ở THCS. Để đạt được những mục đích trên, người giáo viên cần phải linh hoạt lựa chọn những phương pháp và kĩ thuật dạy học áp dụng vào trong các tiết dạy.

**2. Đề xuất**

- Giáo viên thường xuyên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, trong quá trình dạy học luôn lấy học sinh làm trung tâm. Trong mọi hoạt động giáo viên luôn giữ vai trò định hướng giúp học sinh phát huy được tối đa năng lực của bản thân. Giáo viên phải tìm tòi, nghiên cứu, học hỏi các phương pháp và kĩ thuật dạy học hiện đại để áp dụng vào trong các giờ dạy của mình.

- Các phụ huynh cần quan tâm đến việc học tập, rèn luyện của con em mình, thường xuyên kiểm tra sách vở, đồ dùng học tập, đôn đốc, quản lí việc học tập của con ở nhà. Thường xuyên trao đổi với giáo viên về tình hình học tập của con, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để giáo dục con em mình tốt hơn.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học để giáo viên được học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn. Tổ chức các hội thảo, hội thi giáo viên giỏi để các giáo viên được học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Tăng cường tài liệu và sách giáo khoa tham khảo cho giáo viên.

Trên đây là toàn bộ báo cáo biện pháp *“Vận dụng linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật dạy các bài toán có lời văn cho học sinh lớp 3 nhằm tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018”* của tôi. Trong báo không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong các đồng chí trong ban giám khảo, bạn bè, đồng nghiệp góp ý để bản báo cáo của tôi thêm đầy đủ. Tôi xin chân thành cảm ơn!

*Chiến Thắng, tháng 12 năm 2021*

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Thị Lê Hà** | **TÁC GIẢ****Phạm Thị Thương** |

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | Toán 3  | - Đỗ Đình Hoan | - NXBGD |
| 2. | Hướng dẫn dạy học Toán  |  |  |
| 3. | Phương pháp dạy học Toán |  |  |

 4. Quyết định số 16/2006/QĐ – BGDĐT, ngày 5 tháng 5 năm 2006 về việc “Quyết định ban hành chương trình GDPT”.

 5. Thông tư 32/2018TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “Ban hành chương trình GDPT”.

**MỤC LỤC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trang** | **Ghi chú** |
| 1 | I.Mở đầu  | 1 |  |
| 2 | 1.Lí do lựa chọn biện pháp | 1 |  |
| 3 | 2. Đối tượng áp dụng  | 1-2 |  |
| 4 | II. Nội dung biện pháp | 2- 11 |  |
| 5 | 1.Mục tiêu của biện pháp | 2 |  |
| 6 | 2. Cơ sở lí luận và cơ sở thực tiến | 2-4 |  |
| 7 | 2.1 Cơ sở lí luận | 2 |  |
| 8 | 2.2. Cơ sở thực tiễn | 2-4 |  |
| 9 | 3. Nội dung biện pháp | 4 |  |
| 10 | 4. Quy trình thực hiện biện pháp | 4-11 |  |
| 11 | III.Thực nghiệm biện pháp tại đơn vị | 11 |  |
| 12 | 1.Đối tượng, nội dung phương pháp thực nghiệm | 11 |  |
| 13 | 2.Tiến trình thực nghiệm | 11 - 12 |  |
| 14 | 3.Đánh giá kết quả thực nghiệm | 12 |  |
| 15 | IV. Kết luận, đề xuất. | 12 - 13 |  |